

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Quang Lương.

Ông: Nguyễn Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, QĐ hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm: 1978. Địa chỉ thường trú: Tổ 1, TDP 8, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1980 (Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2018/QĐST-VDS ngày 12/6/2018 của TAND thành phố Đồng Hới có hiệu lực pháp luật). Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Tổ 1, TDP 8, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12/6/2018, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày: Anh M và chị Hoàng Thị N xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường B vào ngày 09/4/2008 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại Tổ 1, TDP 8, phường B, TP. Đ được hơn 3 năm, do kinh tế khó khăn ngày 13/10/2011 chị N bỏ nhà đi làm ăn biệt tích cho đến nay không trở về địa phương, gia đình bạn bè không ai có tin tức gì về chị N. Anh M đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng cả gia đình bên chị cũng không có tin tức gì không rõ chị N ở đâu nên anh đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị N mất tích. Ngày 12/6/2018 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã có quyết định số 06/2018/QĐDS-ST tuyên bố chị N mất tích,

quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Từ ngày đó cho đến nay chị N cũng không về nhà, không ai có tin tức gì về chị. Vợ chồng không sống chung với nhau đã lâu, chị N không có trách nhiệm gì với gia đình chồng con. Vì vậy, tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn để xây dựng hôn nhân và cuộc sống mới.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Văn L, sinh ngày 15/11/2008. Từ ngày chị N bỏ đi, cháu ở cùng anh M, anh xin tiếp tục trực tiếp nuôi con mà không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay không biết chị ở đâu, sau này nếu chị N trở về anh có yêu cầu sau.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do bị đơn chị Hoàng Thị N đã được Toà án tuyên bố mất tích; Thông báo thụ lý vụ án, văn bản tố tụng và giấy triệu tập chị N đến Toà đã được niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng của chị N nhưng chị N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đến Toà theo giấy triệu tập. Mặt khác xét thấy đã có căn cứ xác định chị N đã mất tích nên việc hoà giải không thể tiến hành được.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn M, đây là vụ án dân sự về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã bị tuyên bố mất tích có nơi cư trú cuối cùng tại phường B, TP. Đ; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án do bị đơn đã bị tuyên bố mất tích không thể trực tiếp tổng đạt văn bản tố tụng, Toà án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo triệu tập cho bị đơn Hoàng Thị N tại nơi cư trú cuối cùng, nhưng chị N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Toà án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa, đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Hoàng Thị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Hoàng Thị N xây dựng gia đình nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì

vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp; anh chị đã có thời gian chung sống với nhau khá dài. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, cùng nhau chia sẻ khó khăn để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Chị N bỏ nhà đi làm ăn rồi biệt tích, hai bên không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong nhiều năm nay, chị N bỏ mặc anh M nuôi con một mình không có tin tức liên lạc với chồng con, anh M đã yêu cầu Toà án tuyên bố chị N mất tích, Toà án đã thông báo tìm kiếm chị N trên phương tiện thông tin trung ương nhưng chị N vẫn không có tin tức gì, Quyết định tuyên bố chị N mất tích đã có hiệu lực pháp luật, từ đó cho đến nay chị N cũng không về nhà cũng không ai có tin tức gì về chị N. Điều này chứng tỏ mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Sau khi ly hôn anh M xin tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Trần Văn L, sinh ngày 15/11/2008 không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, bởi vì hiện tại không biết chị N ở đâu. Sau này chị N trở về nếu có tranh chấp, thì anh hoặc chị yêu cầu giải quyết việc nuôi con bằng vụ kiện khác.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Trần Văn M phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng khoản 2 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Trần Văn M được ly hôn chị Hoàng Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Văn L, sinh ngày 15/11/2008 cho anh Trần Văn M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau này chị Hoàng Thị N trở về và có tranh chấp về nuôi con hoặc anh M có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ nhà nước. Số tiền anh M phải nộp được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Mười đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0000618 ngày 27 tháng 7 năm 2018.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- UBND phường B, TP.Đ;
- Niêm yết công khai;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Sơn